TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-12-2018.
"V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Tô Thị Hoa Lư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Hai.

Ông Tô Hoàng Vũ.

- ***Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Thành Nhân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 05 tháng 12 năm 2018, tại Phòng xử án Toà án nhân dân huyện Lai Vung xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 294/2018/TLST-HNGĐ, ngày 01/10/2018 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/11/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 484/2018/QĐST-HNGĐ ngày 19/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Trúc L, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/9/2018, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 02/11/2018 và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Trúc L trình bày:

Vào khoảng năm 2006, chị Trần Thị Trúc L và anh Nguyễn Văn K quen biết nhau, sau khi tìm hiểu và quyết định tiến đến hôn nhân, nên gia đình hai bên

tổ chức lễ cưới vào năm 2008. Đến ngày 24/3/2008, chị L và anh K đến UBND xã Phong Hòa, huyện Lai Vung để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 01 người con tên Nguyễn Ngọc Linh A sinh ngày 21/9/2008, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn như vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình cả hai không hợp nhau và anh K không đồng ý sống bên gia đình chị L nên thường xuyên cự cải. Từ đó, anh K đã bỏ nhà đi từ năm 2010 cho đến nay, mặc dù chị L cũng đã tìm kiếm và làm thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú vào tháng 11/2017 theo quy định nhưng vẫn không tìm được anh K. Đến ngày 13/3/2018, chị L tiếp tục có đơn yêu cầu tuyên bố anh K mất tích và được Tòa án huyện Lai Vung chấp nhận tuyên bố anh K mất tích theo Quyết định số 08/2018/QĐDS-ST ngày 30/8/2018. Do anh K đã bỏ nhà đi gần 08 năm, không chăm lo cho vợ con và hiện nay tình cảm vợ chồng giữa chị L với anh K đã không còn, cho nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị L với anh Nguyễn Văn K có 01 người con chung tên Nguyễn Ngọc Linh A sinh ngày 21/9/2008, hiện chị L đang nuôi dưỡng và cháu Linh A cũng có văn bản thể hiện nguyện vọng được sống chung với chị L. Chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Linh A và không yêu cầu anh K phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Kể từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn Nguyễn Văn K và UBND xã Phong Hòa cũng như tại Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng đến nay vẫn không thấy anh K trở về hay có văn bản ý kiến phản bác lại yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Trúc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Xét thấy, nguyên đơn Trần Thị Trúc L có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn K, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời, bị đơn Nguyễn Văn K có nơi cư trú cuối cùng tại ấp Tân Phú, xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp, cho nên Tòa án nhân dân

huyện Lai Vung thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn Nguyễn Văn K đã được Toà án nhân dân huyện Lai Vung tuyên bố mất tích theo Quyết định số 08/2018/QĐDS-ST ngày 30/8/2018 và Tòa án đã tiến hành niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của bị đơn Nguyễn Văn K và UBND xã Phong Hòa cũng như tại Tòa án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Trúc L và bị đơn Nguyễn Văn K kết hôn năm 2008 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phong Hòa, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 24/3/2018 theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau và đặc biệt là việc anh K có mặc cảm khi sống chung bên gia đình vợ, nên từ đó chị L và anh K thường xuyên cự cải làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Từ đó, anh K đã bỏ nhà đi từ bỏ đi từ năm 2010 cho đến nay đã hơn 08 năm, không còn liên lạc với chị L và chị L cũng đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo, tìm kiếm theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự nhưng vẫn không có tin tức xác thực về việc anh K còn sống hay đã chết và chị L đã yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lai Vung tuyên bố anh K mất tích và được Tòa án chấp nhận theo Quyết định số 08/2018/QĐDS-ST ngày 30/8/2018. Vì vậy, việc chị Trần Thị Trúc L xin ly hôn với anh Nguyễn Văn K đã thỏa mãn điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Trúc L là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Xét thấy, cháu Nguyễn Ngọc Linh A sinh ngày 21/9/2008, tính đến nay cháu Linh A đã hơn 07 tuổi và cháu Linh A cũng đã có văn bản trình bày nguyện vọng là mong muốn sống chung với chị L. Bên cạnh đó, từ trước đến nay, chị L cũng đã trực tiếp trông mon, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo cho cháu Linh A và cháu cũng phát triển tốt. Điều này, chứng tỏ chị L có đủ điều kiện để có thể trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục tốt cho cháu Linh A. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị Trần Thị Trúc L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng: Lẽ ra, anh Nguyễn Văn K là người không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị Trần Thị Trúc

L không yêu cầu, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Về tài sản và nợ chung: Chị Trần Thị Trúc L không yêu cầu giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn và nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Trúc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Trúc L được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Linh A sinh ngày 21/9/2008. Anh Nguyễn Văn K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Trần Thị Trúc L cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Nguyễn Văn K trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Trần Thị Trúc L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ từ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002456, ngày 01/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp (Chị Trần Thị Trúc L đã nộp xong).

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (05/12/2018). Đối với đương sự vắng mặt tại phiên

tòa ngày 05/12/2018 thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- UBND xã Phong Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT, (Nh.08b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Thị Hoa Lư